

Số: 11095/BNV-CQĐP

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2026

V/v hướng dẫn tạo lập, cập nhật, quản lý,
khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về chính
quyền địa phương và địa giới hành chính

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 976/QĐ-BNV ngày 17/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Danh mục các trường thông tin và cấu trúc dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính (sau đây gọi là Danh mục), nhằm bảo đảm việc tạo lập, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu được thống nhất, đồng bộ, Bộ Nội vụ hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Về tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công Sở Nội vụ làm đầu mối tham mưu, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai; phân công các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc tạo lập, cập nhật dữ liệu theo phạm vi quản lý.

Đối với dữ liệu thuộc phạm vi hoạt động của Hội đồng nhân dân, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thống nhất đầu mối cung cấp, kiểm tra và phê duyệt dữ liệu theo thẩm quyền, bảo đảm thuận lợi trong quá trình cập nhật, đồng bộ dữ liệu trên Hệ thống.

2. Về tạo lập, cập nhật và quản lý dữ liệu

Tổ chức rà soát, tạo lập và cập nhật đầy đủ 05 nhóm dữ liệu theo Danh mục; bảo đảm thông tin chính xác, có căn cứ kiểm chứng, phù hợp với cấu trúc, kiểu dữ liệu và các danh mục dùng chung đã được quy định.

Việc tạo lập, cập nhật và quản lý dữ liệu thực hiện theo Hướng dẫn gửi kèm Công văn này. Đề nghị các địa phương tập trung triển khai, bảo đảm hoàn thành đợt tạo lập dữ liệu ban đầu theo tiến độ quy định tại Hướng dẫn; thường xuyên rà soát, bổ sung, hiệu chỉnh dữ liệu khi có thay đổi; thực hiện phê duyệt dữ liệu theo phân cấp quản lý trước khi đồng bộ và sử dụng phục vụ tổng hợp, báo cáo chính thức.

3. Về khai thác, sử dụng và phối hợp triển khai

Việc khai thác, sử dụng, kết nối và chia sẻ dữ liệu thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi được phân quyền và quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước.

Kèm theo Hướng dẫn tạo lập, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm, phối hợp tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND các tỉnh, thành phố (để phối hợp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu VT, CQĐP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Hải Long



**ẠO LẬP, CẬP NHẬT, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ
DỮ LIỆU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH**
(Kèm theo Quyết định số 11095/BNV-CQDP ngày 03 tháng 10 năm 2026 của Bộ Nội vụ)

Chương I

NGUYÊN TẮC TẠO LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Điều 1. Nguyên tắc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu

Việc tạo lập, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Dữ liệu được quản lý tập trung, thống nhất trong phạm vi toàn quốc.
2. Dữ liệu được tạo lập một lần, cập nhật khi có thay đổi và sử dụng nhiều lần.
3. Dữ liệu phải đầy đủ, chính xác, thống nhất, có căn cứ kiểm chứng và được cập nhật kịp thời.
4. Cơ quan, đơn vị tạo lập, cập nhật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.
5. Mọi thay đổi dữ liệu phải được ghi nhận, lưu vết và có khả năng truy xuất lịch sử cập nhật.
6. Việc khai thác, sử dụng, kết nối và chia sẻ dữ liệu phải đúng mục đích, đúng phạm vi phân quyền và tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, lưu trữ, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng.

Chương II

TẠO LẬP VÀ CẬP NHẬT DỮ LIỆU

Điều 2. Nguồn tạo lập dữ liệu

Dữ liệu được tạo lập, cập nhật từ hồ sơ, văn bản của cơ quan có thẩm quyền; thông tin do cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp, xác nhận; dữ liệu được kết nối, chia sẻ từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan và các nguồn hợp pháp khác. Cơ quan cập nhật có trách nhiệm đối chiếu với nguồn thông tin phù hợp trước khi đưa dữ liệu vào Hệ thống.

Điều 3. Dữ liệu tạo lập

Việc tạo lập dữ liệu phải bảo đảm các trường thông tin và cấu trúc dữ liệu theo Danh mục, gồm:

- Nhóm dữ liệu địa giới hành chính;
- Nhóm dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Nhóm dữ liệu lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân;
- Nhóm dữ liệu thôn, tổ dân phố;
- Nhóm dữ liệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Dữ liệu được tạo lập phải kèm theo hồ sơ, tài liệu hoặc căn cứ pháp lý theo quy định đối với từng trường hợp.

Điều 4. Trách nhiệm tạo lập và cập nhật dữ liệu

1. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tạo lập, cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo Danh mục; phối hợp với đầu mối Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với dữ liệu do Hội đồng nhân dân cung cấp.

2. Cơ quan, đơn vị được phân công cung cấp, rà soát và xác nhận thông tin thuộc phạm vi quản lý để phục vụ cập nhật dữ liệu.

Điều 5. Phương thức tạo lập và cập nhật dữ liệu

Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu được thực hiện bằng một hoặc nhiều phương thức: nhập trực tiếp trên Hệ thống; nhập theo tệp mẫu được cung cấp trên Hệ thống; kết nối, chia sẻ, đồng bộ từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin theo quy định.

Điều 6. Quy trình cập nhật, phê duyệt và đồng bộ dữ liệu

1. Việc tạo lập, cập nhật, phê duyệt và đồng bộ dữ liệu được thực hiện theo quy trình 06 bước tại Phần B, Mục III của Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 976/QĐ-BNV ngày 17/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, với trình tự và thời hạn như sau:

a) Bước 1. Khởi tạo hoặc tiếp nhận dữ liệu: Khi phát sinh thay đổi có căn cứ cập nhật, cơ quan, đơn vị được phân công tạo lập dữ liệu chủ động tiếp nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan và xác định nội dung cần cập nhật.

b) Bước 2. Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác và hợp lệ của dữ liệu: Cơ quan, đơn vị tạo lập đối chiếu thông tin với hồ sơ, tài liệu làm căn cứ cập nhật; trường hợp thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa thống nhất thì phối hợp với cơ quan cung cấp để bổ sung, làm rõ.

c) Bước 3. Cập nhật dữ liệu vào Hệ thống: Cơ quan, đơn vị tạo lập hoàn thành việc nhập mới hoặc hiệu chỉnh dữ liệu và gửi trên Hệ thống để kiểm tra, phê duyệt. Tổng thời gian thực hiện các bước 1, 2 và 3 không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi có căn cứ cập nhật.

d) Bước 4. Phê duyệt dữ liệu theo phân cấp quản lý: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dữ liệu trên Hệ thống, cơ quan, người được phân công kiểm tra, phê duyệt hoàn thành việc phê duyệt hoặc thông báo nội dung cần bổ sung, hiệu chỉnh. Trường hợp phải bổ sung, hiệu chỉnh, cơ quan tạo lập hoàn thành và gửi lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu; cơ quan, người được phân công kiểm tra, phê duyệt xử lý trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dữ liệu đã bổ sung, hiệu chỉnh.

đ) Bước 5. Đồng bộ dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính: Dữ liệu được đồng bộ ngay sau khi được phê duyệt theo chức năng của Hệ thống. Trường hợp đồng bộ không thành công, cơ quan quản trị kỹ thuật phối hợp với cơ quan cập nhật kiểm tra, xử lý và thực hiện đồng bộ lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi phát hiện lỗi. Trường hợp sự cố chưa thể khắc phục trong

thời hạn này, cơ quan quản trị kỹ thuật thông báo nguyên nhân và thời gian dự kiến hoàn thành để các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp theo dõi.

e) Bước 6. Lưu vết, theo dõi lịch sử thay đổi dữ liệu: Hệ thống tự động ghi nhận thời điểm, tài khoản thực hiện, nội dung thao tác và kết quả xử lý trong quá trình thực hiện các bước của quy trình, bảo đảm khả năng theo dõi, truy xuất lịch sử cập nhật dữ liệu.

2. Đối với việc tạo lập dữ liệu ban đầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tập trung chỉ đạo, phân công cụ thể cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đối với từng nhóm dữ liệu; hoàn thành việc tạo lập, cập nhật, rà soát và phê duyệt dữ liệu thuộc phạm vi quản lý trước ngày 10/10/2026, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, sẵn sàng kết nối, đồng bộ theo tiến độ chung của Bộ Nội vụ. Sau khi hoàn thành tạo lập ban đầu, việc cập nhật khi phát sinh thay đổi thực hiện theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc tiến độ tạo lập, cập nhật, rà soát và phê duyệt dữ liệu tại địa phương; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xử lý các cơ quan, đơn vị chậm tiến độ. Ngay sau khi hoàn thành đợt tạo lập dữ liệu ban đầu, Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nội vụ (qua Vụ Chính quyền địa phương), trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành của từng nhóm dữ liệu, các nội dung còn thiếu, chưa hoàn thiện và khó khăn, vướng mắc (nếu có). Bộ Nội vụ theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai trên phạm vi toàn quốc; đôn đốc địa phương hoàn thiện dữ liệu, bảo đảm tiến độ kết nối, đồng bộ Cơ sở dữ liệu.

Chương III

PHÂN QUYỀN TẠO LẬP, CẬP NHẬT VÀ PHÊ DUYỆT DỮ LIỆU

Điều 7. Nguyên tắc phân quyền quản lý dữ liệu

1. Việc tạo lập, cập nhật, kiểm tra, phê duyệt, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phân công của cơ quan, đơn vị.

2. Việc phân công trách nhiệm tạo lập, kiểm tra, phê duyệt và quản lý dữ liệu phải rõ đầu mối, phù hợp với Danh mục và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

3. Phân quyền trên Hệ thống được thiết lập phù hợp với trách nhiệm tạo lập, kiểm tra, phê duyệt và quản lý dữ liệu của từng cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Trách nhiệm tạo lập, cập nhật và đồng bộ dữ liệu

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo lập, cập nhật các nhóm dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của địa phương, gồm:

- Tổng hợp dữ liệu đơn vị hành chính do cấp xã cập nhật; tạo lập, cập nhật hồ sơ, bản đồ, mốc, tuyến địa giới hành chính và lịch sử biến động trên địa bàn theo Danh mục;

- Dữ liệu lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Danh mục.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở và tương đương tạo lập, cập nhật dữ liệu lãnh đạo của cơ quan, đơn vị mình và gửi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, phê duyệt.

3. Các phòng thuộc Sở và tương đương cung cấp, rà soát thông tin liên quan đến cơ quan quản lý trực tiếp tổng hợp, cập nhật theo Danh mục; không tạo lập nhóm dữ liệu riêng ngoài Danh mục.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân công đầu mối tạo lập, cập nhật, rà soát và xác nhận dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; dữ liệu lãnh đạo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và các Ban của Hội đồng nhân dân thuộc phạm vi Danh mục. Việc nhập dữ liệu được thực hiện tập trung thông qua tài khoản của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

5. Các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và đơn vị có liên quan có trách nhiệm cung cấp, rà soát, xác nhận thông tin để đầu mối được Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân công thực hiện tạo lập, cập nhật dữ liệu trên Hệ thống.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã tạo lập, cập nhật:

- Thông tin đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi tạo lập của cấp xã theo cột “Đơn vị chủ quản/tạo lập dữ liệu” của Danh mục;

- Dữ liệu lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi Danh mục;

- Dữ liệu thôn, tổ dân phố;

- Dữ liệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định.

Đối với các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, việc nhập liệu được thực hiện tập trung thông qua tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp, rà soát và xác nhận thông tin để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cập nhật dữ liệu trên Hệ thống.

8. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã phân công đầu mối cung cấp, rà soát và xác nhận:

- Dữ liệu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã;

- Dữ liệu lãnh đạo Hội đồng nhân dân cấp xã thuộc phạm vi Danh mục.

Đối với các đơn vị trực thuộc Hội đồng nhân dân cấp xã, việc nhập liệu được thực hiện tập trung thông qua tài khoản của Hội đồng nhân dân cấp xã.

9. Các đơn vị trực thuộc Hội đồng nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp, rà soát và xác nhận thông tin để Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện cập nhật dữ liệu trên Hệ thống.

10. Dữ liệu sau khi được phê duyệt theo Điều 10 của Hướng dẫn này được đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu của Bộ Nội vụ để quản lý, khai thác, kết nối và chia sẻ theo quy định.

Điều 9. Xử lý thay đổi, nguồn và trạng thái dữ liệu

1. Khi tạo lập, hiệu chỉnh hoặc ngừng sử dụng dữ liệu, cơ quan cập nhật ghi nguồn dữ liệu, căn cứ pháp lý (nếu có) vào trường thông tin tương ứng theo Danh mục; Hệ thống tự động lưu thời gian, tài khoản thực hiện, kết quả xử lý và lịch sử thay đổi trong nhật ký. Dữ liệu hết hiệu lực được lưu giữ theo quy định.

2. Dữ liệu thống kê đại biểu Hội đồng nhân dân và lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được cập nhật theo mã đơn vị hành chính, cấp, nhiệm kỳ hoặc kỳ báo cáo, cơ quan và chức danh (nếu có). Việc xác định khóa dữ liệu, mã thôn, tổ dân phố và liên kết bản ghi thực hiện theo Danh mục và cấu hình Hệ thống; địa phương không tự đặt mã định danh chính thức.

3. Trạng thái xử lý theo quy trình cập nhật, phê duyệt được quản lý riêng với trạng thái sử dụng dữ liệu quy định tại Danh mục. Các giá trị trạng thái xử lý do Hệ thống thiết lập thống nhất; không tự bổ sung giá trị ngoài danh mục được công bố.

4. Việc công bố dữ liệu mở thực hiện theo thẩm quyền và điều kiện công khai, bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân; không mặc nhiên coi toàn bộ trường thông tin trong Cơ sở dữ liệu là dữ liệu mở.

Điều 10. Kiểm tra, phê duyệt và đồng bộ dữ liệu

1. Sau khi hoàn thành việc tạo lập hoặc cập nhật dữ liệu, cơ quan, đơn vị nhập liệu có trách nhiệm tự kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của dữ liệu trước khi gửi trên Hệ thống để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, phê duyệt.

2. Việc kiểm tra, phê duyệt dữ liệu thực hiện như sau:

a) Đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, phê duyệt trên Hệ thống; Sở Nội vụ tham mưu rà soát, tổng hợp.

b) Đối với dữ liệu do Ủy ban nhân dân cấp xã tạo lập, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác nhận trước khi chuyển Sở Nội vụ rà soát, trình cơ quan, người được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công phê duyệt trên Hệ thống.

c) Đối với dữ liệu thuộc Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp phân công cơ quan, người thực hiện kiểm tra, phê duyệt tại Bước 4 trên Hệ thống; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận dữ liệu đã được phê duyệt để tổng hợp, không phê duyệt thay.

3. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dữ liệu có trách nhiệm:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ và thống nhất của dữ liệu;

b) Đối chiếu dữ liệu với hồ sơ, tài liệu pháp lý và các nguồn dữ liệu liên quan;

c) Phê duyệt hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung khi dữ liệu chưa đáp ứng yêu cầu;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả phê duyệt đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

4. Chỉ đồng bộ dữ liệu đã hoàn thành Bước 4 theo đúng thẩm quyền; Hệ thống ghi nhận kết quả phê duyệt và đồng bộ. Việc xác nhận thông tin của cơ quan cung cấp là căn cứ kiểm tra, không thay thế bước phê duyệt dữ liệu.

5. Dữ liệu chưa được phê duyệt chỉ phục vụ rà soát, hiệu chỉnh; việc khai thác dữ liệu đã phê duyệt thực hiện theo Chương IV của Hướng dẫn này.

Điều 11. Quản lý dữ liệu trên Hệ thống

Việc quản lý dữ liệu trên Hệ thống căn cứ phạm vi quản lý, trạng thái dữ liệu theo Danh mục và quyền được cấp cho người sử dụng; việc điều chỉnh dữ liệu thực hiện theo quy trình tại Điều 6 và Điều 10 của Hướng dẫn này.

Điều 12. Kiểm tra dữ liệu

Cơ quan, đơn vị được phân công kiểm tra, đối chiếu dữ liệu với hồ sơ, tài liệu và danh mục dùng chung; kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ, thống nhất, phát hiện thông tin thiếu, sai lệch, trùng lặp hoặc mâu thuẫn để yêu cầu hiệu chỉnh trước khi phê duyệt hoặc trong quá trình khai thác.

Điều 13. Chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu

Việc chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu thực hiện theo Danh mục và các danh mục dùng chung được thiết lập trên Hệ thống.

Rà soát, xử lý dữ liệu trùng lặp, sai lệch, bổ sung thông tin còn thiếu và cập nhật trạng thái đối với dữ liệu không còn hiệu lực; bảo đảm lưu giữ lịch sử dữ liệu theo quy định.

Điều 14. Đối soát và đồng bộ dữ liệu

Số liệu dân số được đối chiếu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư khi có điều kiện kết nối; số liệu tổng hợp về đại biểu Hội đồng nhân dân, lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được đối chiếu với nguồn dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền khi phù hợp. Không yêu cầu nhập dữ liệu định danh cá nhân ngoài Danh mục.

Việc đồng bộ dữ liệu phải bảo đảm: Đúng cấu trúc dữ liệu; Đầy đủ trường thông tin; Toàn vẹn dữ liệu; An toàn, bảo mật trong quá trình truyền nhận.

Điều 15. Theo dõi và đánh giá chất lượng dữ liệu

Cơ quan quản lý có trách nhiệm theo dõi tình hình tạo lập, cập nhật và phê duyệt dữ liệu thông qua các chức năng quản trị của Hệ thống.

Việc đánh giá chất lượng dữ liệu được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí: Tính đầy đủ; Tính chính xác; Tính thống nhất; Tính kịp thời; Tỷ lệ hoàn thành cập nhật; Mức độ đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng.

Kết quả đánh giá là căn cứ để kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và nâng cao chất lượng dữ liệu trong toàn hệ thống.

Điều 16. Nghiệm thu dữ liệu

Việc kiểm tra, xác nhận hoàn thành đợt tạo lập dữ liệu ban đầu được thực hiện theo kế hoạch triển khai và phân công của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm dữ liệu đúng phạm vi quản lý, đủ trường thông tin bắt buộc, đã kiểm tra, chuẩn hóa, phê duyệt và có khả năng khai thác, đồng bộ.

Chương IV

KHAI THÁC, SỬ DỤNG, KẾT NỐI, CHIA SẺ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN DỮ LIỆU

Điều 17. Khai thác và sử dụng dữ liệu

1. Dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính được khai thác phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, tổng hợp, thống kê, báo cáo, phân tích, dự báo và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải bảo đảm:

- a) Đúng thẩm quyền, đúng mục đích và đúng phạm vi được phân quyền;
- b) Không làm thay đổi dữ liệu gốc, trừ trường hợp được giao quyền cập nhật theo quy định;
- c) Bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và an toàn của dữ liệu.

3. Dữ liệu được khai thác thông qua các chức năng tra cứu, thống kê, báo cáo, phân tích, tổng hợp và các hình thức khai thác khác do Hệ thống cung cấp.

Điều 18. Phân quyền khai thác dữ liệu

1. Người sử dụng Hệ thống được cấp quyền khai thác dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

2. Quyền khai thác dữ liệu được phân theo các nhóm quyền chủ yếu sau:

- a) Quản trị hệ thống;
- b) Quản trị dữ liệu;
- c) Tạo lập, cập nhật dữ liệu;
- d) Kiểm tra, phê duyệt dữ liệu;
- đ) Khai thác, thống kê, báo cáo;
- e) Kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

3. Việc cấp, thay đổi hoặc thu hồi quyền truy cập được thực hiện theo quy định của Bộ Nội vụ và phải được ghi nhận trên Hệ thống.

Điều 19. Kết nối và chia sẻ dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính được kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương và các hệ thống thông tin có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu hoặc các phương thức kỹ thuật khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm:

- a) Đúng thẩm quyền;
- b) Đúng mục đích;
- c) Đúng phạm vi khai thác;
- d) Bảo đảm tính toàn vẹn, chính xác và đồng bộ của dữ liệu;

đ) Tuân thủ quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 20. Quản lý nhật ký và lịch sử khai thác dữ liệu

1. Hệ thống phải ghi nhận đầy đủ nhật ký hoạt động đối với việc quản lý, cập nhật, khai thác và chia sẻ dữ liệu.

2. Nhật ký hệ thống bao gồm các thông tin chủ yếu sau:

- a) Thời gian thực hiện;
- b) Tài khoản và cơ quan thực hiện;
- c) Nội dung thao tác;
- d) Kết quả xử lý;
- đ) Các thông tin phục vụ kiểm tra, giám sát và truy xuất khi cần thiết.

3. Nhật ký hệ thống được quản lý, lưu trữ và khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Sao lưu và phục hồi dữ liệu

1. Dữ liệu của Hệ thống phải được sao lưu định kỳ và lưu trữ an toàn nhằm bảo đảm khả năng phục hồi khi xảy ra sự cố.

2. Việc sao lưu, phục hồi dữ liệu phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn và khả năng tiếp tục vận hành của Hệ thống.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin tổ chức sao lưu, phục hồi dữ liệu theo phương án kỹ thuật và quy định có liên quan.

Điều 22. Bảo đảm an toàn và bảo mật dữ liệu

1. Việc quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Hệ thống phải áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn dữ liệu, bao gồm:

- a) Quản lý tài khoản và xác thực người sử dụng;
- b) Phân quyền truy cập dữ liệu;
- c) Bảo vệ dữ liệu trong quá trình lưu trữ, truyền nhận và khai thác;
- d) Giám sát hoạt động của Hệ thống;
- đ) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Vận hành và duy trì dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính được vận hành, cập nhật và duy trì thường xuyên nhằm bảo đảm dữ liệu luôn đầy đủ, chính xác, kịp thời và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

2. Khi có thay đổi về tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, địa giới hành chính, nhân sự lãnh đạo, đại biểu Hội đồng nhân dân, thôn, tổ dân phố, người hoạt động

không chuyên trách hoặc các thông tin khác thuộc phạm vi quản lý, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cập nhật dữ liệu theo quy định.

3. Việc duy trì dữ liệu phải bảo đảm tính liên tục, thống nhất và khả năng kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin có liên quan.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 24. Trách nhiệm của Vụ Chính quyền địa phương

1. Hướng dẫn nghiệp vụ, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai.

2. Theo dõi, kiểm tra chất lượng dữ liệu; tổng hợp khó khăn, vướng mắc về nghiệp vụ để hướng dẫn hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét.

3. Chủ trì rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục trường thông tin, cấu trúc dữ liệu, quy trình nghiệp vụ và các nội dung có liên quan để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

4. Tổng hợp tình hình triển khai, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nội vụ theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin

1. Tổ chức xây dựng, quản trị, vận hành và duy trì hoạt động ổn định của Hệ thống Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính.

2. Cấu hình các trường thông tin, cấu trúc dữ liệu và danh mục dùng chung trên Hệ thống phù hợp với Danh mục.

3. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, sao lưu, phục hồi dữ liệu và an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật; phối hợp xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành Hệ thống.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức triển khai Hướng dẫn này tại địa phương theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Phân công Sở Nội vụ làm đầu mối tham mưu, theo dõi, tổng hợp; tổ chức tạo lập, cập nhật, kiểm tra và phê duyệt dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với dữ liệu Hội đồng nhân dân.

3. Bảo đảm điều kiện về nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và tổ chức quản lý việc vận hành Cơ sở dữ liệu tại địa phương.

4. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; chịu trách nhiệm về chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

Điều 27. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp, phân công đầu mối cung cấp, rà soát, phê duyệt dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Hội đồng nhân dân; phối hợp tổng hợp dữ liệu sau phê duyệt.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tạo lập, cập nhật và quản lý dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định.
2. Thực hiện việc kiểm tra, rà soát dữ liệu trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của dữ liệu do mình tạo lập, cập nhật.

Điều 29. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp xã

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã phân công đầu mối tạo lập, rà soát, phê duyệt dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp trong quá trình chuẩn hóa và tổng hợp dữ liệu.

Điều 30. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

Các cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp cung cấp, rà soát, xác nhận thông tin và cập nhật dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ và phân công của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 31. Tổ chức triển khai

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Hướng dẫn này và Danh mục để tổ chức thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Nội vụ để được hướng dẫn, phối hợp xử lý.